

Bản án số: 09/2018/HS-ST

Ngày: 05/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Ông Nguyễn Hữu Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/ QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. D, sinh năm 1993

Tên gọi khác: M

Nơi sinh: xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T (Chết) và Ch, sinh năm 1954; Có 06 anh chị, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1987; Bị cáo chưa có vợ con;

- Tiền án: 02

+ Ngày 14/11/2012, bị TAND huyện Ba Tri xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự.

+ Ngày 13/5/2015, bị TAND huyện Ba Tri xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý

gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự.

- Tiền sự: 05.

+ Ngày 25/4/2016, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 30/6/2016, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt 1.000.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 16/8/2016, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt 1.000.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 12/10/2016, bị UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 13/3/2017, bị TAND huyện Ba Tri áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 6 thì nghỉ học và sinh sống tại địa phương. Năm 2011, phạm tội và sau đó chấp hành án tại Trại giam Cao Lãnh (Đồng Tháp) về tội “Trộm cắp tài sản”, đến tháng 3/2014 thì chấp hành xong trở về địa phương sinh sống. Đến năm 2015 phạm tội và sau đó chấp hành án tại Trại giam Châu Bình (Bến Tre) về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 14/4/2016 chấp hành xong trở về địa phương. Ngày 13/3/2017, bị TAND huyện Ba Tri ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre đóng trên địa bàn xã T (huyện B, tỉnh Bến Tre) cho đến ngày phạm tội.

Bị bắt tạm giam từ ngày 01/9/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Ng, sinh ngày 03/8/1998

Tên gọi khác: Không

Nơi sinh: xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L, sinh năm 1972 và Nh, sinh năm 1980; Bị cáo không có anh chị em và chưa có vợ con;

- Tiền án: Không

- Tiền sự: 05.

+ Ngày 28/4/2016, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt 375.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 21/7/2016, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 12/12/2016, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt 1.000.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 12/5/2017, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt 1.000.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 13/7/2017, bị TAND huyện Ba Tri áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 16 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 4 thì nghỉ học và sinh sống tại địa phương. Ngày 13/7/2017, bị TAND huyện Ba Tri ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre đóng trên địa bàn xã T (huyện B, tỉnh Bến Tre).

Bị bắt tạm giam từ ngày 01/9/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. B, sinh ngày 26/4/1998

- Tên gọi khác: Không;

- Nơi sinh: xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre;

- Nơi ĐKTT: ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre;

- Nơi cư trú: ấp Nh, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông V (Chết) và Tu, sinh năm 1977; Bị cáo không có anh chị em và chưa có vợ con;

- Tiền án: Không

- Tiền sự: 03.

+ Ngày 30/11/2016, bị UBND xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 21/12/2016, bị UBND xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 24/4/2017, bị TAND huyện Ba Tri áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 16 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 9 thì nghỉ học và sinh sống tại địa phương. Năm 2015, bị TAND huyện Ba Tri xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và đã chấp hành xong bản án. Ngày 24/4/2017, bị TAND huyện Ba Tri ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre đóng trên địa bàn xã T (huyện B, tỉnh Bến Tre).

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. T, sinh ngày 29/01/1998

- Tên gọi khác: Không;
- Nơi sinh: xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Nơi cư trú: ấp Nh, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông G, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977; Bị cáo có 01 em sinh năm 2002; Bị cáo chưa có vợ con;

- Tiền án: Không
- Tiền sự: 03.

+ Ngày 21/01/2016, bị Công an xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt 375.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 20/12/2016, bị UBND xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 08/5/2017, bị TAND huyện Ba Tri áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 10 thì nghỉ học và sinh sống tại địa phương. Ngày 08/5/2017, bị TAND huyện Ba Tri ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre đóng trên địa bàn xã T (huyện B, tỉnh Bến Tre).

- Bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Ông Tu, sinh năm 1972

Trú tại: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. C, sinh năm 1984.

Trú tại: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

2. H, sinh năm 1973.

Trú tại: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

3. Phan Văn T, sinh năm 1973.

Trú tại: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

D, Ng, B và T là học viên cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre đóng trên địa bàn xã T (huyện B, tỉnh Bến Tre). Vào khoảng 15h ngày 27/7/2017, D, Ng, B, T cùng nhiều học viên khác trốn khỏi Cơ sở cai nghiện ma túy; riêng Ng khi bỏ trốn có cầm theo đoạn kim loại lưới B40 dài khoảng 20cm đã bẻ ngay thẳng để chống trả lực lượng chức năng truy bắt. Khi chạy ngang nhà anh Phan Văn T, D, Ng, B, T nhìn thấy xe mô tô biển số 71F3-6279 của anh Tu đang dựng trong sân trước cửa nhà anh Phan Văn T không có người trông coi và trên xe có gắn sẵn chìa khóa, D liền nói với đồng bọn “giờ lấy xe chạy trốn” thì cả bốn người cùng chạy vào sân. Tới chỗ để xe, D lên xe cầm lái, B và T lên ngồi sau thì vừa lúc anh Tu ở trong nhà phát hiện chạy ra ngăn cản và đưa tay rút chìa khóa nhưng bị D gạt tay rồi liên tục lắc cổ xe qua lại và lùi xe lên xuống để Tu không rút được chìa khóa, còn Ng ở phía sau nắm đuôi xe phụ kéo ra nhưng vẫn không lấy được xe. Thấy Tu ngăn cản quyết liệt, Ng từ phía sau xe cầm đoạn kim loại đưa về phía trước xông tới định đe dọa hành hung anh Tu làm Tu hoảng sợ liền dạt ra không dám ngăn cản tiếp thì Ng lên xe cho D điều khiển chở cả bọn tẩu thoát. Đến khu vực ấp M, xã M (huyện B, tỉnh Bến Tre), D cùng đồng bọn bỏ lại xe rồi chia nhau chạy trốn.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM II, màu nâu, biển số 71F3-6279 số khung 0229001, số máy 0229001 được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận trị giá 8.000.000đ và Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho anh Tu; còn đoạn kim loại thì không thu giữ được do Ng quăng bỏ mất trong quá trình chạy trốn.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT – VKSHBT ngày 23/4/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo D theo điểm c và d khoản 2 Điều 133, còn Ng, B và T theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm cáo trạng, truy tố các bị cáo D theo điểm c và d khoản 2 Điều 133, còn Ng, B và T theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 47, 20, 53, 33 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo D từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều

47, 20,53,33 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Ng từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 47, 20,53,33 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo B từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; g,p khoản 1 Điều 46; các Điều 47, 20,53,33 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho anh Tu 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM II, màu nâu, biển số 71F3-6279 số khung 0229001, số máy 0229001. Anh Tu không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo D, Ng, B và T khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô đã thực hiện. Các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra, người bị hại nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Về trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do bỏ trốn khỏi Cơ sở cai nghiện ma túy, nên Ng đã có hành vi dùng đoạn kim loại là phương tiện nguy hiểm đe dọa anh Tu để D, B và T chiếm đoạt xe mô tô biển số 71F3-6279 trị giá 8.000.000đ của anh Tu làm phương tiện trốn chạy; vụ việc xảy ra vào khoảng 15h30' ngày 27/7/2017 tại sân nhà ông Phan Văn T thuộc ấp T, xã T (huyện B, tỉnh Bến Tre).

[2] Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã bất chấp và cố ý thực hiện, hậu quả xảy ra là đúng như các bị cáo mong muốn. Bị cáo Ng đã có hành vi dùng đoạn kim

loại là phương tiện nguy hiểm đe dọa anh Tu nhằm mục đích không dám chống trả, để D, B và T chiếm đoạt tài sản của người bị hại là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Muốn có phương tiện để trốn khỏi việc Cơ quan chức năng bắt giữ các bị cáo để chữa bệnh mà các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi đe dọa uy hiếp tinh thần, tính mạng sức khỏe của chủ sở hữu tài sản làm cho chủ sở hữu tài sản lo sợ mất khả năng chống trả để giữ gìn tài sản. Việc làm của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Do đó, các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố các bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đối với hành vi của bị cáo D, HĐXX thấy rằng: Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 14/11/2012, bị TAND huyện Ba Tri xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2015/HSST, ngày 13/5/2015, bị TAND huyện Ba Tri xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã áp dụng tình tiết tăng nặng là “tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Trong lần thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 BLHS. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo D về tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 BLHS 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo D có 02 tiền án và 05 tiền sự, bị cáo Ng có 05 tiền sự, bị cáo B có 03 tiền sự, bị cáo T có 03 tiền sự. Lẽ ra các bị cáo khi bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh các bị cáo phải chấp hành tốt quy định của pháp luật và nội quy, quy chế tại trại Cai nghiện ma túy để hoàn thành tốt thời gian cai nghiện nhưng các bị cáo lại chứng nào tật nấy, bất chấp quy định của pháp luật, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật với tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Điều đó thể hiện các bị cáo là người rất khó cải tạo, giáo dục. Vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội đồng thời góp phần chung vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[5] Xét thấy trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi có tính chất đồng phạm giản đơn, D, Ng, B và T cùng là người thực hành trực tiếp thực hiện tội phạm, trong đó D và Ng thực hiện tích cực hơn nên chịu trách nhiệm cao hơn B và T.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46. Các bị cáo D, Ng, B có người thân trong gia đình có công với đất nước nên HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần thiết áp dụng Điều 47 BLHS để xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất khung hình phạt trong điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho anh Tu 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM II, màu nâu, biển số 71F3-6279 số khung 0229001, số máy 0229001. Anh Tu không yêu cầu bồi thường gì thêm, là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT)– Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo D, Ng, B và T phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, 20, 53, 33 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo D 05 (Năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 01/9/2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, 20, 53, 33 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Ng 04 (Bốn) năm tù

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 01/9/2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, 20, 53, 33 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 29/12/2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 47, 20, 53, 33 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 29/12/2017.

[2] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2003:

Ghi nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tri đã giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM II, màu nâu, biển số 71F3-6279 số khung 0229001, số máy 0229001 cho anh Tu và anh Tu không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo D, Ng , B và T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[4] Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã A (huyện B, tỉnh Bến Tre);
- UBND xã B (huyện B, tỉnh Bến Tre);
- UBND xã M (huyện B, tỉnh Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng